

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư công nghiệp Hà Nội thông qua theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-VTCN ngày 09 tháng 05 năm 2026 căn cứ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Quyết định số 3746/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận cho Công ty Vật tư công nghiệp Hà Nội được thực hiện cổ phần hóa;
- Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc giao phần vốn Nhà nước tại Công ty Vật tư công nghiệp Hà Nội khi thực hiện cổ phần hóa cho Công ty TNHH nhà nước một thành viên Chiêu sáng và Thiết bị đô thị (HAPULICO);
- Quyết định số 2927/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vật tư công nghiệp Hà Nội thành Công ty Cổ phần Vật tư công nghiệp Hà Nội.

Điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vật tư công nghiệp Hà Nội và thay thế bản Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư công nghiệp Hà Nội thông qua ngày 21 tháng 04 năm 2016 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2016.

## CHƯƠNG I

## ĐIỀU KHOẢN CHUNG

### **Điều 1. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân**

1. Công ty Cổ phần Vật tư công nghiệp Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 2927/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vật tư công nghiệp Hà Nội thành Công ty Cổ phần Vật tư công nghiệp Hà Nội, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam và theo các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ này và bất kỳ giấy phép nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho Công ty để tổ chức hoạt động kinh doanh.
2. Công ty Cổ phần Vật tư công nghiệp Hà Nội:
  - a) Có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của Nhà nước;
  - b) Có vốn Điều lệ và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó;
  - c) Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - d) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty và là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty;

### **Điều 2. Tên công ty, trụ sở và phạm vi hoạt động**

1. Tên công ty
  - a) Tên gọi đầy đủ: **Công ty Cổ phần Vật tư công nghiệp Hà Nội**
  - b) Tên giao dịch đối ngoại (tên gọi đầy đủ bằng tiếng Anh): HANOI INDUSTRIAL MATERIAL JOINT STOCK COMPANY
2. Trụ sở và địa điểm kinh doanh
  - a) Trụ sở chính: Số 18 phố Nguyễn Trung Trực, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
+ Điện thoại: 024 38 257508
  - b) Địa điểm kinh doanh số 1: Số 48 phố Nguyễn Thiếp, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam (Văn phòng công ty).  
+ Điện thoại: 024 39 27 26 21  
+ Mã số địa điểm kinh doanh: 00001
  - c) Địa điểm kinh doanh số 2: Số 129D phố Trương Định, Phường Tương Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

+ Điện thoại: 024 38 632946

+ Mã số địa điểm kinh doanh: 00002

### 3. Phạm vi hoạt động

Công ty Cổ phần Vật tư công nghiệp Hà Nội hoạt động trên phạm vi trong toàn bộ lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công ty có thể mở chi nhánh, văn phòng đại diện trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật Việt Nam.

### **Điều 3. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh**

#### 1. Mục tiêu

- a) Sử dụng vốn có hiệu quả, lợi nhuận cao và bảo toàn vốn;
- b) Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động;
- c) Không ngừng nâng cao lợi tức cho cổ đông;
- d) Đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty bền vững.

#### 2. Ngành nghề kinh doanh (mã và tên ngành)

| TT | Nội dung ngành nghề  | Mã ngành |
|----|--|----------|
| 1  | Xây dựng nhà các loại.   | 4100     |
| 2  | Phá dỡ.  | 4311     |
| 3  | Chuẩn bị mặt bằng.   | 4312     |
| 4  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.   | 4322     |
| 5  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như:<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí; | 4329     |
| 7  | Hoàn thiện công trình xây dựng.  | 4330     |
| 8  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ.  | 4511     |
| 9  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.   | 4210     |

|    |   |             |
|----|---|-------------|
| 10 | Xây dựng công trình công ích.   | <b>4220</b> |
| 11 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>+ Xây dựng công trình công nghiệp,<br>+ Xây dựng đường hầm,<br>+ Xây dựng các công trình thể thao ngoài trời,<br>+ Xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp.  | <b>4290</b> |
| 12 | Lắp đặt hệ thống điện.  | <b>4321</b> |
| 13 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>+ Xây dựng nền móng toà nhà, gồm đóng cọc,<br>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,<br>+ Chống ẩm các tòa nhà,<br>+ Chôn chân trụ,<br>+ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,<br>+ Uốn thép,<br>+ Xây gạch và đặt đá,<br>+ Lợp mái bao phủ tòa nhà,<br>+ Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng tháo dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng,<br>+ Các công việc dưới bề mặt,<br>+ Xây dựng bể bơi ngoài trời. | <b>4390</b> |
| 14 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.  | <b>4663</b> |
| 15 | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.   | <b>4752</b> |
| 16 | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.   | <b>7410</b> |
| 17 | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống).   | <b>4512</b> |
| 18 | Cho thuê xe có động cơ.   | <b>7710</b> |
| 19 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện).  | <b>4659</b> |

|    |  |             |
|----|--|-------------|
| 20 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).  | <b>5610</b> |
| 21 | Sản xuất các cấu điện kim loại.  | <b>2511</b> |
| 22 | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.  | <b>2592</b> |
| 23 | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện.  | <b>2710</b> |
| 24 | Sản xuất thiết bị chiếu sáng.  | <b>2740</b> |
| 25 | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm).  | <b>4649</b> |
| 26 | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.   | <b>3320</b> |
| 27 | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: Gia công, sửa chữa, phục hồi máy móc, thiết bị.  | <b>3312</b> |
| 28 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>+ Kinh doanh bất động sản,<br>+ Cho thuê văn phòng, nhà ở. | <b>6810</b> |
| 29 | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế.  | <b>7912</b> |
| 30 | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch<br>Chi tiết: Dịch vụ phục vụ khách du lịch.   | <b>7920</b> |
| 31 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Kinh doanh khách sạn.   | <b>5510</b> |
| 32 | Quảng cáo.   | <b>7310</b> |
| 33 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu:<br>Chi tiết: Chế biến các mặt hàng nông sản, lâm sản, thủy sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, thủ công mỹ nghệ.     | <b>3290</b> |
| 34 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, lâm sản, thủy sản.          | <b>4620</b> |
| 35 | Bán buôn gạo<br>Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu lương thực.  | <b>4631</b> |

|    |  |             |
|----|--|-------------|
| 36 | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu thực phẩm.   | <b>4632</b> |
| 37 | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép<br>Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng dệt may.  | <b>4641</b> |
| 38 | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ.   | <b>4773</b> |
| 39 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>+ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất và tiêu dùng, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm), khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm).<br>+ Kinh doanh vật tư, thiết bị của các ngành cơ khí, kim khí, điện tử viễn thông, ô tô, máy kéo, cơ khí xây dựng, điện máy, hóa nhựa, cao su, thủy tinh, da, dệt, may, nhuộm. | <b>4669</b> |
| 40 | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông<br>Chi tiết:<br>+ Kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị văn phòng,<br>+ Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm chiếu sáng, các vật tư thiết bị máy móc công nghiệp,<br>+ Kinh doanh xuất nhập khẩu linh kiện và thiết bị điện tử, viễn thông.   | <b>4652</b> |
| 41 | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ.   | <b>4530</b> |
| 12 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>+ Thiết kế chiếu sáng và điều khiển tín hiệu công trình công cộng giao thông,<br>+ Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV,<br>+ Thiết kế kiến trúc công trình,<br>+ Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp,<br>+ Giám sát lắp đặt thiết bị, lắp đặt công nghệ điện công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV.                   | <b>7110</b> |
| 43 | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>+ Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định,  | <b>4932</b> |

|    |  |      |
|----|--|------|
|    | + Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng.   |      |
| 44 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô.                                     | 5229 |
| 45 | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị. | 7490 |

Ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Vật tư công nghiệp Hà Nội có thể được thay đổi, bổ sung theo thời gian để phù hợp với thực tế hoạt động và phát triển kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 4. Thời gian hoạt động**

1. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp giải thể trước thời hạn theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
2. Thời gian hoạt động của công ty có thể được gia hạn hoặc rút ngắn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện theo Luật doanh nghiệp.

#### **Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động**

1. Công ty cổ phần Vật tư công nghiệp Hà Nội tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Vật tư công nghiệp Hà Nội là Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm.
4. Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

#### **Điều 6. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty**

1. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong công ty cổ phần hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội trong công ty cổ phần hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật.

## CHƯƠNG II

### VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

#### **Điều 7. Vốn điều lệ**

1. Vốn điều lệ khi thành lập công ty là: 7.200.000.000 đồng

Trong đó:

- Vốn của Nhà nước: 4.988.500.000 đ - Chiếm tỷ lệ: 69,28%
- Vốn của cổ đông ngoài doanh nghiệp: 400.000.000 đ - Chiếm tỷ lệ: 5,56%
- Vốn của cổ đông là CBNV mua CP ưu đãi: 955.500.000 đ- Chiếm tỷ lệ: 13,27%
- Vốn của cổ đông mua theo giá phổ thông: 856.000.000 đ- Chiếm tỷ lệ: 11,89%

2. Vốn điều lệ được chia thành 72.000 cổ phần. Cổ phần được phát hành dưới hình thức cổ phiếu. Giá trị mỗi cổ phần (mệnh giá cổ phiếu) là 100.000 đồng.

3. Sử dụng vốn điều lệ:

Vốn điều lệ chỉ được sử dụng vào mục đích kinh doanh, không được sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán cho các cổ đông.

4. Điều chỉnh vốn điều lệ:

- a) Vốn điều lệ có thể được điều chỉnh (tăng hoặc giảm) theo nhu cầu kinh doanh và tình hình tài chính của công ty;
- b) Việc điều chỉnh vốn điều lệ do Đại hội cổ đông quyết định theo đúng quy định của pháp luật.

5. Thanh toán cổ phần đã đăng ký theo giá phổ thông hoặc ưu đãi.

- a) Các cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm giám sát, đôn đốc thanh toán đủ và đúng hạn các cổ phần các cổ đông đã đăng ký mua. Các trường hợp ưu đãi cho người lao động thực hiện theo Quy chế ưu đãi nội bộ của Công ty nhưng phải đảm bảo tuân thủ thời hạn góp vốn theo quy định của pháp luật;
- b) Trong thời hạn từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến ngày phải thanh toán theo tỉ lệ tương ứng số cổ phần đã đăng ký mua quy định tại Điều này, số phiếu biểu quyết của các cổ đông được tính theo số cổ phần phổ thông đã được thanh toán;
- c) Nếu sau thời hạn quy định tại Điều này có cổ đông chưa thanh toán thì Hội đồng quản trị phải chào bán cổ phần này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn 90 ngày nêu trên. Nếu sau khi chào bán vẫn còn cổ phần chưa bán hết, Công ty thực hiện đăng ký giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày tiếp theo;

- d) Cổ đông chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời hạn quy định tại Điều này. Thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm liên đới về các thiệt hại phát sinh do không thực hiện hoặc không thực hiện đúng quy định tại Điều này.

### **Điều 8. Quản lý vốn Nhà nước tại Công ty**

1. Công ty TNHH một thành viên Chiêu sáng và thiết bị đô thị (Công ty mẹ) là chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Vật tư công nghiệp Hà Nội và thực hiện các quyền, nghĩa vụ thông qua Người đại diện phần vốn.
2. Việc quản lý và sử dụng phần vốn Nhà nước phải tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các Nghị định hướng dẫn về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp.
3. Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty do Công ty mẹ cử ra có trách nhiệm thực hiện các quyền của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trước khi biểu quyết về các vấn đề: mục tiêu, ngành nghề kinh doanh; tăng/giảm vốn điều lệ; bổ nhiệm nhân sự chủ chốt; chia cổ tức; bán tài sản giá trị lớn... Người đại diện phần vốn bắt buộc phải xin ý kiến bằng văn bản và biểu quyết theo đúng chỉ đạo của Công ty Mẹ.

### **Điều 9. Đóng góp cổ phần**

1. Tài sản góp vốn có thể là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.
2. Cổ đông Nhà nước (thông qua Công ty mẹ) nắm giữ 69,28% vốn điều lệ. Việc thay đổi tỷ lệ nắm giữ của cổ đông Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

### **Điều 10. Các loại cổ phần**

1. Cổ phần của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này bao gồm Cổ phần phổ thông và các loại Cổ phần ưu đãi (nếu có).
2. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Cổ đông Nhà nước (Công ty mẹ) và các cổ đông sáng lập khác có thể nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Quyền ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập có hiệu lực trong 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sau thời hạn đó, cổ phần ưu đãi biểu quyết chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.
4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

## **Điều 11. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần**

### 1. Chuyển nhượng cổ phần

- a) Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và các quy định pháp luật có liên quan, trừ các trường hợp bị hạn chế theo luật;
- b) Cổ đông có quyền sử dụng cổ phần thuộc sở hữu hợp pháp của mình để thực hiện các giao dịch dân sự, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế, cầm cố, thế chấp hoặc sử dụng làm tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự;
- c) Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện theo hợp đồng hoặc giao dịch theo quy định của pháp luật và phải được ghi nhận đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông của công ty;
- d) Các hạn chế chuyển nhượng cổ phần (nếu có) chỉ được áp dụng trong các trường hợp hợp theo quy định của pháp luật hoặc theo nghị quyết hợp pháp của Đại hội đồng cổ đông.

### 2. Thủ tục chuyển nhượng cổ phần

- a) Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng;
- b) Giấy tờ chuyển nhượng phải có chữ ký của bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện được ủy quyền;
- c) Người nhận cổ phần chỉ trở thành cổ đông của Công ty kể từ thời điểm thông tin của họ được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông;
- d) Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu chuyển nhượng hợp lệ, Công ty có trách nhiệm cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông;

### 3. Chào bán cổ phần:

- a) Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán;
- b) Giá chào bán không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu hoặc chào bán ưu đãi cho người lao động.

## **Điều 12. Thừa kế cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông cá nhân chết, người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty. Người thừa kế chỉ có quyền và nghĩa vụ cổ đông sau khi thực hiện thủ tục khai nhận/phân chia di sản và được Công ty cập nhật thông tin vào Sổ đăng ký cổ đông

2. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế một hoặc một nhóm cổ phần, những người này phải cử một người đại diện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông. Việc cử đại diện phải được lập thành văn bản có công chứng hoặc chứng thực hợp lệ.
3. Trong thời gian chờ làm thủ tục thừa kế, nếu phát sinh quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, những người thừa kế có thể ủy quyền cho một người đại diện dự họp. Nếu có tranh chấp về quyền thừa kế dẫn đến không cử được người đại diện, số cổ phần đó sẽ không được tính vào số phiếu biểu quyết tại cuộc họp.
4. Công ty có trách nhiệm hỗ trợ thủ tục xác nhận số dư cổ phần để người thừa kế làm thủ tục pháp lý nhưng không tham gia và không chịu trách nhiệm giải quyết các tranh chấp nội bộ giữa những người thừa kế.
5. Cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông đã chết khi chuyển sang cho người thừa kế sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.

### **Điều 13. Cổ phiếu**

1. Cổ phiếu chỉ là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải ghi đầy đủ các thông tin theo quy định của Luật doanh nghiệp.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm liên đới về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại, cổ đông gửi đơn đề nghị nêu rõ thông tin cổ phiếu, lý do và cam kết chịu trách nhiệm về tranh chấp phát sinh.
4. Công ty khuyến khích việc quản lý quyền sở hữu cổ phần dưới hình thức dữ liệu điện tử và ghi sổ để tối ưu hóa công tác quản lý cổ đông.

### **Điều 14. Phát hành trái phiếu**

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thẩm quyền quyết định phát hành trái phiếu.
  - a) Đại hội đồng cổ đông quyết định về loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

- b) Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị và thời điểm phát hành đối với các loại trái phiếu khác (trái phiếu thường), nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất.
3. Việc phát hành trái phiếu cho các tổ chức, cá nhân phải tuân thủ quy định về công bố thông tin, đăng ký và ký gửi theo quy định của pháp luật về chứng khoán và quản lý vốn Nhà nước.

### **Điều 15. Cổ đông, cổ đông sáng lập**

1. Các pháp nhân và các thể nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ công ty mua cổ phiếu của công ty phát hành được ghi tên vào sổ lưu trữ của công ty là cổ đông của công ty cổ phần.
2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phụ thuộc vào loại cổ phần mà họ sở hữu.
3. Công ty phải lập và lưu giữ sổ cổ đông.
4. Cổ đông sáng lập của Doanh nghiệp là cổ đông có đủ các điều kiện sau:
5. Tham gia thông qua Điều lệ lần đầu của Công ty cổ phần.
6. Cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán.
7. Số lượng cổ đông sáng lập tối thiểu là 03 cổ đông.

### **Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông**

1. Quyền của cổ đông phổ thông.
  - a) Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b) Được nhận cổ tức theo mức do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
  - c) Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu hiện có;
  - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp bị hạn chế theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
  - e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền:
    - + Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính, báo cáo của Ban kiểm soát;
    - + Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hoặc vượt quá thẩm quyền;
    - + Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

- f) Khi công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty, sau khi công ty đã thanh toán cho các chủ nợ và cổ đông loại khác.
2. Nghĩa vụ của cổ đông
- a) Thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua;
- b) Không được rút vốn đã góp ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần;
- c) Tuân thủ Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các Nghị quyết của Công ty;
- d) Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định;
- e) Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp.

### **CHƯƠNG III**

#### **MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY MẸ - CON**

##### **Điều 17. Công ty mẹ - Công ty con**

Công ty TNHH một thành viên Chiếu sáng và thiết bị đô thị là Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Vật tư công nghiệp Hà Nội.

##### **Điều 18. Mô hình tổ chức, quản lý và điều hành của Công ty**

1. Cơ cấu tổ chức, quản lý và điều hành của Công ty bao gồm:
- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Ban Kiểm soát;
- d) Tổng Giám đốc;
- e) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc (các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc).
2. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc. Người đại diện theo pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc ký/chấm dứt hợp đồng lao động.

4. Trong quá trình hoạt động, Hội đồng quản trị có quyền quyết định thay đổi cơ cấu tổ chức, thành lập hoặc giải thể các phòng ban, đơn vị trực thuộc để phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh và quy định của pháp luật.

**Điều 19. Nguyên tắc phối hợp chung giữa công ty mẹ - công ty con**

1. Công ty phối hợp với Công ty mẹ trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch phát triển chung của hệ thống nhằm tối ưu hóa nguồn lực và thương hiệu.
2. Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm và dài hạn trên cơ sở định hướng chung của Công ty mẹ, đảm bảo phù hợp với năng lực thực tế của Công ty và mục tiêu bảo toàn, phát triển vốn Nhà nước.
3. Việc phối hợp kinh doanh, phân công phân khúc thị trường hoặc ngành nghề giữa Công ty mẹ và Công ty được thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và không trái với quy định của pháp luật.
4. Công ty thực hiện chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật; đồng thời tuân thủ các quy chế về giám sát tài chính do Công ty mẹ ban hành đối với người đại diện phần vốn.
5. Công ty là pháp nhân độc lập, tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình trước pháp luật và các đối tác về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Sự phối hợp với Công ty mẹ không thay thế cho trách nhiệm pháp lý của bộ máy quản lý và điều hành Công ty.

**Điều 20. Quyền hạn và trách nhiệm của Công ty mẹ**

1. Xây dựng định hướng, chiến lược phát triển chung; phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm và dài hạn của Công ty thông qua ý kiến biểu quyết của Người đại diện phần vốn.
2. Xây dựng và quản lý việc sử dụng thương hiệu chung của tổ hợp Công ty mẹ - con; hỗ trợ Công ty trong việc quảng bá và phát triển thị trường.
3. Cử, thay thế, giám sát và đánh giá Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty.
4. Cho ý kiến để Người đại diện phần vốn biểu quyết về việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty.
5. Giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn đầu tư tại Công ty. Thu lợi tức từ phần vốn góp và chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp.
6. Phê duyệt các giao dịch về vốn, tài sản giá trị lớn của Công ty theo quy định tại Điều lệ này và quy chế của Công ty mẹ.
7. Thực hiện quyền kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện các Nghị quyết của chủ sở hữu và tính tuân thủ pháp luật tại Công ty.

**Điều 21. Quyền hạn và trách nhiệm của Công ty con**

1. Công ty có quyền tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và quản lý nhân sự phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của Công ty mẹ.
2. Có trách nhiệm xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh hằng năm dựa trên định hướng chung của Công ty mẹ.
3. Thực hiện đầy đủ, đúng hạn các cam kết trong hợp đồng kinh tế ký kết với Công ty mẹ. Các giao dịch mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ giữa Công ty và Công ty mẹ phải thực hiện theo giá thị trường và tuân thủ quy định về giao dịch với bên có liên quan.
4. Cung cấp đầy đủ, chính xác và đúng hạn các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động và các thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của Công ty mẹ để phục vụ công tác giám sát vốn và hợp nhất báo cáo tài chính định kỳ.
5. Chịu sự giám sát, kiểm tra của Công ty mẹ về việc quản lý và sử dụng phần vốn đầu tư của Công ty mẹ tại Công ty.
6. Có trách nhiệm sử dụng, giữ gìn và phát triển thương hiệu chung của tổ hợp theo quy chế quản lý thương hiệu của Công ty mẹ.

## CHƯƠNG IV

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

#### **Điều 22. Thẩm quyền và nhiệm vụ**

1. Thẩm quyền.

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Cuộc họp thường niên.

Tổ chức mỗi năm một lần trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 tháng.

3. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

- f) Thông qua báo cáo tài chính, mức chia cổ tức và thù lao cho bộ máy quản trị, giám sát;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- j) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

### **Điều 23. Triệu tập Đại Hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
  - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
  - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên;
  - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - e) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.
3. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp.
4. Nếu Ban Kiểm soát không triệu tập họp, thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này có quyền thay thế HĐQT, Ban Kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
  - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- h) Công việc khác phục vụ cuộc họp.

#### **Điều 24.Chương trình và nội dung họp Đại Hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông/Nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp. Kiến nghị phải bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
  - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
  - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 25.Mời họp và Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời họp đến các đại biểu chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc. Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp. Các tài liệu thảo luận khác theo chương trình được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Công ty.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Cổ đông có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự Đại hội đồng cổ đông.
4. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
5. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

#### **Điều 26. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 50% số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp thứ nhất không đủ điều kiện nêu trên thì được triệu tập lần hai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự kiến họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông này được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất cho 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ 2 không đủ điều kiện theo quy định, thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định.

#### **Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban tổ chức Đại hội có nhiệm vụ nhận đăng ký cổ đông dự họp, kiểm tra và xác nhận tư cách cổ đông tham dự;
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - b) Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
  - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
  5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
  6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;
  7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
    - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
    - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
  8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
  - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
  - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

**Điều 28. Thể thức và điều kiện thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
  - a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
  - b) Định hướng phát triển công ty;
  - c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
  - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - g) Tổ chức lại, giải thể công ty.
3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
  - a) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu quản lý của công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại; giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tán thành.
  - b) Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện từ 50% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Mục a, c và d, Khoản 3 Điều này.

- c) Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
- d) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực, hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.
- e) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

## CHƯƠNG V

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### **Điều 29. Cơ cấu của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty Cổ phần Vật tư công nghiệp Hà Nội, có quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi, nghĩa vụ của công ty giữa hai nhiệm kỳ Đại hội, trừ những vấn đề thuộc quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần vật tư công nghiệp Hà nội có 03 thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Công ty TNHH một thành viên Chiếu sáng và thiết bị đô thị là đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty quyết định cử người tham gia vào Hội đồng Quản trị và có trách nhiệm thực hiện quyền, nghĩa vụ và quản lý phần vốn của Nhà nước tại Công ty Cổ phần Vật tư công nghiệp Hà Nội.

#### **Điều 30. Điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020.
2. Có trình độ học vấn, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.

3. Có phẩm chất đạo đức, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật, có đủ sức khoẻ.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.
5. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

**Điều 31. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị**

1. Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần vật tư công nghiệp Hà Nội có quyền hạn và nghĩa vụ sau:
  - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
  - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
  - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định;
  - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
  - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
  - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
  - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
  - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
  - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

- p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

### **Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Tổng Giám đốc công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị chương trình nội dung các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e) Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường;
  - f) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Điều 33. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Mỗi quý ít nhất phải họp Hội đồng quản trị một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị trong các trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
  - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
  - d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 2/3 thành viên Hội đồng quản trị trở lên tham dự. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì ý kiến cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa.

5. Thủ tục triệu tập và tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị bằng thông báo mời họp thông qua điện thoại, phương tiện điện tử, nhắn tin trước 03 ngày làm việc, ghi rõ địa điểm, nội dung cuộc họp cần giải quyết đối với các cuộc họp hàng quý; trong trường hợp họp bất thường thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp qua điện thoại, cuộc họp được tiến hành tại trụ sở công ty hoặc nơi khác hoặc họp qua điện thoại hay các phương tiện truyền thông trực tuyến. Những thủ tục khác được phép thực hiện theo quy chế riêng của công ty.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết thay mình nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, điện thoại... hoặc hình thức tương tự khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi chép đầy đủ các nội dung theo quy định vào biên bản. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản phải thông qua công khai trong Hội đồng quản trị.
9. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

#### **Điều 34. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cán bộ quản lý các đơn vị khác trong Công ty Cổ phần Vật tư công nghiệp Hà Nội cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

#### **Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật này;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá 1/3 so với tổng số đã quy định tại Điều lệ công ty và của nhiệm kỳ thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên hoạt động.
  - d) Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho các thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

#### **Điều 36. Quyền lợi của thành viên Hội đồng Quản trị**

1. Công ty trả thù lao và tiền thưởng cho các thành viên Hội đồng Quản trị trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh và lợi nhuận hằng năm. Tổng mức thù lao và tiền thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại kỳ họp thường niên.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ điều hành tại Công ty hoặc làm việc tại các bộ phận chuyên môn được hưởng tiền lương và tiền thưởng theo chế độ hiện hành áp dụng cho người quản lý Công ty.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị được thanh toán các chi phí đi lại, ăn, ở và các chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Các chi phí này được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty trên cơ sở tuân thủ quy chế tài chính nội bộ.

## **CHƯƠNG VI**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC**

#### **Điều 37. Tổng Giám đốc**

1. Tổng giám đốc là người đại diện cho pháp luật của Công ty Cổ phần Vật tư công nghiệp Hà Nội trực tiếp điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

2. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị tuyển chọn, bổ nhiệm và bãi nhiệm.
3. Tổng giám đốc có thể là người trong công ty hoặc có thể thuê ngoài, nhưng trước hết chọn và bổ nhiệm người trong công ty hoặc trong các thành viên Hội đồng Quản trị nhưng phải được 2/3 số thành viên trong Hội đồng quản trị nhất trí tán thành thì mới có giá trị. Trong trường hợp thuê Tổng Giám đốc thì Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng với Tổng Giám đốc.
4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; Bị cách chức nếu điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh không có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế
5. Giúp việc Tổng Giám đốc có Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các trưởng phòng, ban nghiệp vụ, xí nghiệp, đơn vị thành viên.
6. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
  - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
  - b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
  - c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

**Điều 38. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc**

1. Tổng giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
4. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
6. Tuyển dụng, bố trí, sắp xếp lao động theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh phù hợp với Bộ luật Lao động.
7. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc.
8. Có quyền kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động, cho thôi việc đối với công nhân viên theo Bộ luật Lao động.
9. Tổ chức công tác thống kê, kế toán, tài chính trong Công ty, xây dựng báo cáo quyết toán hàng năm.

10. Tổng giám đốc chịu sự quản lý trực tiếp của Hội đồng quản trị và sự kiểm tra của Ban kiểm soát Công ty.
11. Tổng giám đốc được hưởng tiền lương, thưởng và các phụ cấp khác (nếu có) theo kết quả và hiệu quả kinh doanh và do Hội đồng Quản trị quyết định.
12. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.
13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 39. Trách nhiệm của người quản lý Công ty**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:
  - a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;
  - c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty nội dung về các lợi ích liên quan của mình theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020;
  - e) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

### **Điều 40. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan**

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:
  - a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;
  - b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
  - c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
  - a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;
  - b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 41. Ủy quyền, ủy nhiệm**

1. Tổng giám đốc có quyền ủy quyền bằng văn bản cho Phó Tổng giám đốc hoặc người quản lý khác thực hiện một phần nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Việc ủy quyền phải xác định rõ phạm vi, nội dung và thời hạn ủy quyền.

2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm cuối cùng trước Hội đồng quản trị và pháp luật về các quyết định, hành vi của người được ủy quyền trong phạm vi nội dung đã ủy quyền.
3. Người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba, trừ trường hợp được Tổng giám đốc đồng ý bằng văn bản.

## **CHƯƠNG VII**

### **BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 42. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **Điều 43. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.
5. Việc kiểm tra, xem xét của Ban Kiểm soát không được làm cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6. Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
8. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
9. Các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao, tiền thưởng do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.

#### **Điều 44. Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát**

1. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về quản trị, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh theo yêu cầu của Ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.
2. Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ bảo mật các thông tin, tài liệu thu thập được trong quá trình kiểm soát theo quy định của pháp luật và quy chế bảo mật của Công ty, nếu vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân, bồi thường thiệt hại và có thể bị bãi nhiệm, xử lý theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 45. Quyền hạn và nghĩa vụ của Trưởng ban Kiểm soát**

1. Trưởng ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban điều hành của Tổng giám đốc; có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết. Các ý kiến của Trưởng ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào Biên bản cuộc họp.
2. Thay mặt Ban Kiểm soát thực hiện quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc trực tiếp triệu tập họp theo quy định khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Công ty..
3. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng quý, hằng năm và tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được Ban Kiểm soát thông qua.
4. Chủ trì việc thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty
5. Thay mặt Ban Kiểm soát trình bày báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động và báo cáo giám sát trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.
6. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Kiểm soát; chuẩn bị chương trình, nội dung và chủ trì các cuộc họp của Ban Kiểm soát.

#### **Điều 46. Trách nhiệm của Kiểm soát viên**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

**Điều 47. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật doanh nghiệp;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
  - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
  - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

**CHƯƠNG VIII**

**LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG**

**Điều 48. Lao động**

Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động thực hiện theo Bộ luật Lao động và nội dung chế độ ghi trong hợp đồng lao động được ký kết giữa Tổng giám đốc (hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền) và người lao động.

**Điều 49. Tuyển dụng lao động**

1. Tổng giám đốc quyết định việc tuyển dụng, thử việc, điều chuyển và chấm dứt hợp đồng lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh, phù hợp với định biên nhân sự đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và quy định của Bộ luật Lao động..
2. Công ty thực hiện tuyển dụng công khai, minh bạch, ưu tiên lựa chọn những ứng viên có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp với vị trí công việc và văn hóa của Công ty.

3. Trong trường hợp các ứng viên có trình độ chuyên môn và năng lực đáp ứng yêu cầu công việc như nhau, Công ty ưu tiên tuyển dụng con em của cổ đông và cán bộ công nhân viên đã/đang công tác tại Công ty nhằm khuyến khích sự gắn bó lâu dài.
4. Trường hợp người lao động xin cho thân nhân thay thế vị trí công tác (kế thừa), người thay thế phải trải qua quy trình tuyển dụng, sát hạch và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về sức khỏe, bằng cấp và năng lực chuyên môn theo quy định của vị trí đó.

### **Điều 50. Tiền lương**

1. Công ty thực hiện chế độ trả lương, thưởng cho người lao động dựa trên nguyên tắc: Phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động; gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng người lao động.
2. Hệ thống thang lương, bảng lương và cách thức chi trả được quy định chi tiết tại Quy chế trả lương, thưởng của Công ty do Tổng giám đốc xây dựng và Hội đồng quản trị phê duyệt.
3. Ngoài tiền lương, căn cứ vào lợi nhuận hằng năm, Công ty sẽ trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi để thưởng cho người lao động có thành tích xuất sắc và thực hiện các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân viên.
4. Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các chế độ khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

### **Điều 51. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động**

1. Người lao động được hưởng lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ theo Hợp đồng lao động, Quy chế trả lương và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.
2. Được đảm bảo các quyền lợi về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và an toàn vệ sinh lao động theo quy định hiện hành.
3. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.
4. Tuân thủ tuyệt đối Điều lệ, Nội quy lao động, các bảo mật thông tin kinh doanh của Công ty.
5. Hoàn thành nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao.
6. Người lao động vi phạm kỷ luật, gây thiệt hại cho Công ty về tài sản, uy tín hoặc làm lộ bí mật kinh doanh sẽ bị xử lý kỷ luật và phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại vật chất theo quy định của Công ty và pháp luật.

## **CHƯƠNG IX**

### **TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 52. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch..

### **Điều 53. Quyết toán và kế hoạch tài chính**

Chậm nhất trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập; Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc; Phương án phân phối lợi nhuận, mức chia cổ tức, trích lập các quỹ năm vừa qua; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

### **Điều 54. Chế độ Kế toán và Thống kê**

1. Công ty áp dụng chế độ kế toán và thống kê theo quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê và các quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND). Trường hợp có các giao dịch ngoại tệ (xuất khẩu thiết bị), việc quy đổi và hạch toán thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.
3. Hệ thống sổ sách kế toán, chứng từ và báo cáo tài chính phải được lập trung thực, chính xác, khách quan và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về kế toán.
4. Công ty thực hiện việc công bố thông tin tài chính định kỳ và đột xuất theo quy định đối với công ty cổ phần có vốn Nhà nước.

### **Điều 55. Phân phối lợi nhuận**

1. Lợi nhuận ròng của Công ty là khoản lợi nhuận sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và bù đắp các khoản lỗ năm trước (nếu có) theo quy định.
2. Lợi nhuận ròng được phân bổ và sử dụng như sau:
  - Quỹ Đầu tư phát triển tối đa :15%
  - Quỹ phúc lợi và khen thưởng tối đa : 15%
  - Quỹ thưởng Người quản lý công ty tối đa : 5%
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ nêu trên sẽ được dùng để chi trả cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu.
4. Hội đồng quản trị căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế để trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận chi tiết cho từng năm tài chính.

### **Điều 56. Chi trả cổ tức**

1. Cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định; đã trích lập các quỹ và bù đắp lỗ trước đó (nếu có).

2. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và xác định mức chi trả cho từng cổ phần căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Cổ tức được chi trả định kỳ mỗi năm một lần, dự kiến vào ngày cuối tháng 5 của năm tiếp theo hoặc theo thời hạn cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày thông qua phương án phân phối lợi nhuận.
4. Công ty thực hiện thông báo về việc trả cổ tức bằng văn bản hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện chi trả. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản, tiền mặt hoặc các hình thức khác theo quy định pháp luật.

#### **Điều 57. Xử lý lỗ trong kinh doanh**

1. Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Hội đồng quản trị phải kịp thời báo cáo tình hình và trình Đại hội đồng cổ đông phương án xử lý lỗ để bảo toàn vốn.
2. Chuyển khoản lỗ sang các năm tài chính tiếp theo để bù đắp bằng lợi nhuận của các năm đó (thời gian chuyển lỗ tuân thủ quy định của pháp luật thuế).
3. Các biện pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật nhằm ổn định tình hình tài chính của Công ty.

#### **Điều 58. Giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm**

1. Công ty có quyền và nghĩa vụ bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân trong các quan hệ tổ tụng và tranh chấp
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền hợp pháp là người đại diện Công ty trước các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người được ủy quyền là người đại diện Công ty trước pháp luật.
4. Các tranh chấp giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; hoặc giữa các cổ đông với nhau liên quan đến việc thực hiện Điều lệ trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không hòa giải được sẽ chuyển đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.
5. Các tranh chấp phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh với đối tác, khách hàng được giải quyết theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật.
6. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Điều lệ này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý kỷ luật theo Nội quy lao động, phải bồi thường thiệt hại (nếu có) hoặc bị truy cứu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG X**

### **GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN**

### **Điều 59. Giải thể**

1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau:
  - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ mà không có quyết định gia hạn;
  - b) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (với tỷ lệ biểu quyết tán thành từ 65% trở lên);
  - c) Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu (03 cổ đông) trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
  - d) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án.
2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài.

### **Điều 60. Thanh lý tài sản khi giải thể**

1. Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản Công ty, trừ trường hợp Điều lệ này hoặc pháp luật quy định phải thành lập Ban thanh lý riêng.
2. Các khoản nợ của Công ty được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây.
  - a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động và các quyền lợi khác theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký;
  - b) Nợ thuế và các khoản nợ ngân sách Nhà nước khác;
  - c) Các khoản nợ có bảo đảm (thanh toán bằng tài sản bảo đảm, nếu thiếu sẽ được thanh toán tiếp ở mục d);
  - d) Các khoản nợ không có bảo đảm và các nghĩa vụ tài chính khác;
  - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể sẽ được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần tại thời điểm thanh lý.
3. Trong quá trình thanh lý, nếu tài sản không đủ để thanh toán các khoản nợ, Công ty phải dừng việc giải thể và thực hiện thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

### **Điều 61. Phá sản doanh nghiệp**

Trong quá trình thanh lý, nếu tài sản không đủ để thanh toán các khoản nợ, Công ty phải dừng việc giải thể và thực hiện thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

## **CHƯƠNG XI**

## **NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC**

### **Điều 62. Công khai thông tin**

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công khai thông tin định kỳ, đột xuất theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về Kế toán và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:
  - a) Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ cốt lõi;
  - b) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và được ĐHĐCĐ thông qua;

### **Điều 63. Chế độ lưu trữ tài liệu của Công ty**

1. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:
  - a) Điều lệ công ty; quy chế quản lý nội bộ của công ty; sổ đăng ký cổ đông;
  - b) Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;
  - c) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của công ty;
  - d) Phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của doanh nghiệp;
  - e) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán;
  - f) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm.
2. Doanh nghiệp phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính hoặc địa điểm khác được quy định trong Điều lệ công ty; thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.
3. Tài liệu phải được lưu trữ dưới dạng bản giấy (gốc) và khuyến khích thực hiện số hóa lưu trữ trên hệ thống máy chủ nội bộ để bảo đảm an toàn thông tin và phục vụ công tác tra cứu nhanh chóng.
4. Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc có trách nhiệm phân công bộ phận chuyên môn (Văn phòng Công ty, Phòng Kế toán) trực tiếp quản lý và bảo quản các loại tài liệu tương ứng.
5. Việc cung cấp tài liệu lưu trữ cho cổ đông hoặc bên thứ ba phải tuân thủ Quy định của Công ty và chỉ thực hiện khi có yêu cầu bằng văn bản được người đại diện pháp luật phê duyệt.

### **Điều 64. Con dấu của Công ty**

1. Hội đồng quản trị quyết định số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu của Công ty; việc quản lý và lưu giữ con dấu thực hiện theo quy định của Công ty và pháp luật.
2. Nội dung con dấu phải thể hiện: Tên công ty và Mã số doanh nghiệp
3. Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định hiện hành.

**Điều 65. Thể thức sửa đổi, bổ sung các điều, khoản của Điều lệ**

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Bản Điều lệ này sẽ do Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.
2. Trường hợp quy định của pháp luật có sự thay đổi dẫn đến nội dung của Điều lệ này không còn phù hợp, các quy định của pháp luật sẽ mặc nhiên được áp dụng. Công ty có trách nhiệm cập nhật và sửa đổi Điều lệ tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
3. Khi muốn bổ sung, sửa đổi nội dung Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông sẽ họp để thông qua quyết định nội dung thay đổi. Thể thức họp, thông qua nội dung sửa đổi theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

**Điều 66. Hiệu lực Điều lệ**

1. Bản Điều lệ này gồm 11 chương, 66 điều đã được Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IV (2026-2031) của Công ty Cổ phần Vật tư công nghiệp Hà Nội nhất trí 100% thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung ngày 09 tháng 05 năm 2026.
2. Điều lệ này được lập thành 10 (mười) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và gửi các cơ quan chức năng theo quy định.
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ chỉ có giá trị pháp lý khi được xác nhận bởi chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc Công ty và có đóng dấu hợp thức.
4. Bản Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Mọi quy định trước đây của Công ty trái với các điều khoản trong Điều lệ này đều mặc nhiên hết hiệu lực

*Hà Nội, ngày 09 tháng 05 năm 2026*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Lê Mạnh Phương**

=====